

ÔN TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Trình bày các đặc điểm chính về sự phát triển cơ thể của học sinh THPT có liên quan với sự phát triển tâm lý của học sinh ở lứa tuổi này.

Câu 2: Phân tích vai trò của các điều kiện xã hội có ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của học sinh THPT.

Câu 3: Phân tích ý nghĩa của hoạt động học tập - hướng nghiệp trong quá trình phát triển tâm lý của học sinh THPT.

Câu 4: Trình bày đặc điểm của các quá trình nhận thức của học sinh THPT và nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu các đặc điểm này trong dạy học.

Câu 5: Trình bày những đặc điểm tình cảm của học sinh THPT và giải thích nguyên nhân xuất hiện các đặc điểm này. Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu các đặc điểm này trong giáo dục học sinh.

Câu 6: Trình bày những đặc điểm nhân cách của học sinh THPT và giải thích nguyên nhân xuất hiện các đặc điểm này. Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu các đặc điểm này trong giáo dục học sinh.

TRẮC NGHIỆM

Câu 1: *Điểm đặc trưng trong nhận thức của học sinh THPT là:*

- a. Chuyển từ tính không chủ định sang có chủ định.
- b. Tính có chủ định phát triển mạnh, chiếm ưu thế.
- c. Cả tính có chủ định và tính không chủ định cùng phát triển.
- d. Tính không chủ định phát triển mạnh và chiếm ưu thế.

Câu 2: *Trong tự ý thức của mình, học sinh THPT thường coi trọng hơn:*

- a. Những hình thức bề ngoài của bản thân.
- b. Những phẩm chất nhân cách và năng lực của cá nhân.
- c. Hành vi, cô chỉ của bản thân.
- d. Cả a, c.

Câu 3: *Điểm nào không phù hợp với tình bạn của lứa tuổi học sinh THPT?*

- a. Rất sâu sắc và yêu cầu cao trong tình bạn.
- b. Nhu cầu rất cao về bạn tâm tình.
- b. Tình bạn rất bền vững.
- d. Tình bạn chỉ được thiết lập trong lĩnh vực hoạt động học tập

Câu 4: *Điểm nào không phù hợp trong việc giáo dục của người lớn đối với tuổi học sinh THPT?*

- a. Thiết lập quan hệ bình đẳng, tôn trọng và tin cậy các em.
- b. Quan tâm chỉ dẫn và giám sát thường xuyên, trực tiếp các hoạt động và quan hệ của

các em trong mọi lĩnh vực.

- c. Trợ giúp các em theo hướng tăng dần tính tự quyết định của các em trong hoạt động và quan hệ của mình.
- d. Thường xuyên chú ý đến tính hai mặt của sự phát triển ở lứa tuổi này khi ra các quyết định giáo dục.

Câu 5:

Học sinh THPT đã ý thức được mình đang đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời. Với (1)..... khá phong phú, các em đã thể hiện thái độ có ý thức với (2)..... và do đó (3)..... tri thức tăng lên.

- | | |
|----------------------|--------------|
| a. Trình độ. | e. Nhu cầu. |
| b. Khả năng. | f. Lao động. |
| c. Kinh nghiệm sống. | g. Học tập. |
| d. Thái độ. | h. Động cơ. |

Câu 6:

Tuổi học sinh THPT là lứa tuổi mang tính (1)..... nhất. Điều quan trọng với các em là được sinh hoạt với các bạn (2)..... và cảm thấy mình có (3)..... trong nhóm

- | | |
|-------------|--------------|
| a. Tích cực | e. Uy tín |
| b. Xã hội | f. Cùng giới |
| c. Tập thể | g. Vai trò |
| d. Khả năng | h. Cùng tuổi |

Câu 7.

Nam nữ thanh niên đều coi (1)..... là quan trọng nhất của con người. Tình bạn của các em mang màu sắc xúc cảm nhiều hơn và (2)..... hơn. Quan hệ giữa nam và nữ thanh niên được (3)..... cách rõ rệt

- | | |
|---------------|------------------|
| a. Bạn bè. | e. Tình bạn. |
| b. Nhạy cảm. | f. Lãng mạn. |
| c. Phân biệt. | g. Tích cực hoá. |
| d. Phong phú. | h. Chủ động. |

Câu 8:

Ở một số em học sinh THPT đã xuất hiện sự (1)..... khá mạnh và nhu cầu chân chính về (2)..... và tình cảm sâu sắc xuất hiện. Đây là một loại tình cảm mới mẻ nhưng rất (3)..... ở lứa tuổi thanh niên.

- | | |
|------------------------|-----------------|
| a. Định hướng. | e. Lôi cuốn. |
| b. Tình bạn khác giới. | f. Quan trọng. |
| c. Tình yêu. | g. Tự nhiên. |
| d. Hấp dẫn. | h. Bình thường. |

Câu 9:

Tình bạn ở lứa tuổi thanh niên (1).....
hơn và chủ yếu là (2)..... hơn tình bạn ở lứa
tuổi thiếu niên. Thanh niên đưa sự tâm tình
thân mật, tình cảm ấm áp, thái độ chân thành
lên (3).....

Câu 10:

Học sinh THPT có (1)..... hướng nghiệp
rất cao. Vấn đề này trở thành (2)..... vào năm
cuối cấp. Việc quyết định chọn một nghề nào
đó ở nhiều em đã có (3).....

- | | |
|----------------|-----------------------|
| a. Chín chắn. | e. Sâu sắc. |
| b. Bền vững. | f. Đậm đà. |
| c. Đầu tiên. | g. Hàng đầu. |
| d. Quan trọng. | h. Vị trí quan trọng. |

- | | |
|----------------|------------------|
| a. Hiểu biết. | e. Căn cứ. |
| b. Nhu cầu. | f. Động cơ. |
| c. Cấp thiết. | g. Hàng đầu. |
| d. Quan trọng. | h. Tính chủ thể. |